

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2025

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Thái Thương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Tám

ông Trần Nhượng

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Ngọc Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

- Bị đơn: anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Đ, xã Q, thành phố Đà Nẵng).

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2025, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 11/8/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T cờ bạc, rượu chè không quan tâm và có trách nhiệm đến vợ con. Hai vợ chồng chị đã không sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị C và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Tấn Q, sinh ngày 08/11/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn T, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh T không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại các phiên làm việc của Tòa án, phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Huỳnh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Huỳnh C có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Tấn T, địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Đ, xã Q, thành phố Đà Nẵng). Nay, chị C khởi kiện xin ly hôn với anh T và có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và*

nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh T tự nguyện tìm hiểu, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 11/8/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Theo chị C, trong quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè không quan tâm đến vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C cương quyết xin ly hôn, còn anh T không tham gia các phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: chị C và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Tấn Q, sinh ngày 08/11/2012. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Xét thấy hiện nay cháu Q đang sinh sống với chị C, để đảm bảo sự ổn định về vật chất tinh thần cũng như môi trường học tập sinh hoạt của cháu Q Hội đồng xét xử giao cháu Q cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, cần chấp nhận yêu cầu này của chị C.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh C đối với anh Nguyễn Tấn T về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn Q, sinh ngày 08/11/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Nguyễn Thị Huỳnh C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị C đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010700 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đà Nẵng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 – Đà Nẵng;
- UBND xã Long Thuận, tỉnh Tây Ninh;
- (Giấy CNKH số 58 ngày 11/8/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Sương